TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2022/DS-PT
Ngày: 27 -6-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Diệp;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 108/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 17/1, tổ 6, khu phố X, phường Y, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng Lên, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 6, đường Suối Đá - Khedol, ấp Phước Hội, xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; (theo văn bản ủy quyền ngày 21-5-2021); có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 61, tổ 06, ấp N A, xã B N, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn Hùng, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 64, ấp Phước Lợi 1, xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây

Ninh; (theo Văn bản ủy quyền ngày 01-4-2022); có mặt.

3. Người làm chứng: Chị Lâm Thị Diệu K, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 10, Ấp NA, xã BN, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Lệ H – là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-5-2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị L và người đại diện của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Lên trình bày:

Chị L với chị H có mối quan hệ quen biết với nhau. Ngày 10-10-2020 âm lịch, chị H điện thoại cho chị L hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích để cho anh Hai của chị H mua mì non, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 10 ngày. Chị L đem số tiền 100.000.000 đồng đến quán M S giao trực tiếp cho chị H nhận, chị H tự viết và ký tên, ghi họ tên vào giấy nợ 100.000.000 đồng đề ngày 10-10-2020 giao chị L giữ. Đến hạn 10 ngày chị H không trả được nên giáp tháng chị H trả cho chị L 2.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 04-12-2020 âm lịch, chị H gọi điện thoại hỏi vay thêm số tiền 170.000.000 đồng, mục đích để cho anh Hai của chị H mua mủ cao su, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn trong vòng 10 ngày trả lại, thì trả luôn số tiền 100.000.000 đồng vay trước đó. Chị L đem số tiền 170.000.000 đồng đến quán MS giao trực tiếp cho chị H nhận, chị H tự viết và ký tên, ghi họ tên vào giấy nợ 170.000.000 đồng đề ngày 04-12-2020 giao chị L giữ. Sau đó chị H cứ hứa hẹn trả nợ cho chị L nhưng cho đến nay vẫn chưa thực hiện.

Nay chị L khởi kiện yêu cầu chị H trả số tiền nợ gốc 270.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 04-12-2020 âm lịch; đối với khoản tiền lãi 2.000.000 đồng chị H đã đóng cho chị L là tiền lãi của khoản vay 100.000.000 đồng; chị L không yêu cầu chồng chị H là anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1977 có trách nhiệm liên đới trả số nợ này, vì chị L giao dịch trực tiếp với chị H.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Lệ H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Chị thừa nhận có điện thoại cho chị L hỏi vay tiền và có viết giấy nợ ngày 10-10-2020 (âm lịch) và ngày 04-12-2020 (âm lịch) tổng số tiền vay là 270.000.000 đồng như lời trình bày của chị L là đúng, nhưng thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Tuy nhiên, số nợ này là chị vay dùm chị K (là chủ quán MS nơi chị làm phụ quán) do chị K nợ tiền của chị L trước đó nhiều lần nếu vay thêm thì chị L không cho nên chị K nhờ chị vay tiền dùm. Sau khi chị L giao tiền cho chị thì chị đã giao tiền cho chị K, việc giao tiền cho chị K không có giấy tờ, chị K đã trả tiền lãi và tiền nợ gốc trong thời hạn 10 ngày cho chị L xong nhưng chị L chưa trả lại giấy nợ.

Nay chị L khởi kiện yêu cầu chị trả số nợ 270.000.000 đồng chị không đồng ý, bởi vì: Số tiền này là chị K vay, chị chỉ đứng ra hỏi vay tiền dùm cho chị K nên

việc đóng tiền lãi và trả nợ gốc cho chị L là do chị K có trách nhiệm, chị K nói với chị là đã tiền gốc và lãi xong.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26-11-2021 và biên bản đối chất ngày 27-01-2022 chị Lâm Thị Diệu K, trình bày: Chị với chị L, chị H chỉ quen biết với nhau ngoài xã hội, trước đây chị H làm phụ quán cho chị. Chị xác định không có nhờ chị H mượn dùm của chị L số tiền 270.000.000 đồng như chị H trình bày. Việc vay tiền của chị L là do vợ chồng chị trực tiếp vay, có viết giấy nợ rõ ràng, chị L khởi kiện vợ chồng chị yêu cầu trả số tiền nợ 780.000.000 đồng và đã giải quyết xong, vợ chồng chị không còn nợ chị L khoản tiền nào cả. Do đó, khi anh T chồng của chị H gọi điện thoại hỏi thì chị nói là đã trả xong chị L rồi. Chị xác định trong file ghi âm chị H giao nộp tại Tòa, chị không có nói chị H mượn tiền dùm cho chị.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định;*

Căn cứ vào: Các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L đối với chị Nguyễn Thị Lệ H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" ;

Buộc chị Nguyễn Thị Lệ H có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị L số tiền 299.250.000 (Hai trăm chín mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, bao gồm: Nợ gốc 270.000.000 đồng và tiền lãi 29.250.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 28-02-2022, bị đơn chị H kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện bị đơn (ông Hùng) trình bày tranh luận: Khi vay số tiền 170.000.000 đồng chị H có hỏi chị K số nợ 100.000.000 đồng vay trước trả chưa, chị K nói trả rồi nên chị H mới ký vay tiếp 170.000.000 đồng, tất cả số tiền đều vay dùm cho chị K, ở lần vay trước hai bên thỏa thuận thời hạn 10 ngày trả. Như vậy nếu không trả thì tại sao ngày 04-12-2020 âm lịch chị L lại tiếp tục cho vay 170.000.000 đồng đây là điểm không hợp lý. Chị K đã trả nợ cho chị L rồi nhưng chị L không trả giấy nợ điều này được thể hiện trong file ghi âm cuộc nói chuyện giữa anh T (chồng chị H) với chị K. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ.

- Đại diện nguyên đơn (ông Lên) trình bày tranh luận: Tại phiên tòa chính chị H trình bày *"do chị K còn nợ tiền chị L nên chị L không cho chị K vay nữa"* như vậy số nợ 270.000.000 đồng này là do chị H vay của chị L, chị H không có chứng cứ chứng minh số tiền này chị H ký nợ dùm cho chị K nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H.

- *Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị L khởi kiện yêu cầu chị H có trách nhiệm trả cho chị số tiền nợ vay là 270.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Chị H cho rằng số tiền trên chị vay dùm cho chị K nên không đồng ý trả.

[3] Xét kháng cáo của chị H thấy rằng:

[3.1] Về chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L xuất trình 02 giấy vay tiền vào ngày 10-10-2020 (âm lịch) và ngày 04-12-2020 (âm lịch) tổng số tiền vay là 270.000.000 đồng, do chị H viết và ký tên, chứng cứ này được chị H thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

[3.2] Về nghĩa vụ trả nợ: Chị H cho rằng số tiền trên chị K vay của chị L nhờ chị viết giấy vay và chị ký tên. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm chị H trình bày là chị L giao tiền cho chị tại quán MS, sau đó chị giao lại chị K, tại phiên tòa hôm nay chị H xác nhận "do chị K còn nợ tiền chị L nên chị L không cho chị K vay". Điều đó cho thấy chị L cho chị H vay tiền 270.000.000 đồng là có căn cứ. Ông Hùng (đại diện cho chị H) xuất trình biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2021 của chị K tại Tòa án và file ghi âm cuộc nói chuyện giữa anh T (chồng chị H) và chị K, ông Hùng cho rằng chị K đã trả xong cho chị L số tiền mà chị H vay hộ chị K. Nhận thấy, trong biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2021 không có chứng cứ nào chứng minh số tiền chị H vay nợ dùm chị K và trong file ghi âm cũng chỉ là lời nói giữa chị K với anh Tân (chồng chị H) nên không thể xem là chứng cứ trong vụ án này. Do đó, cấp sơ thẩm xác định chị H còn nợ chị L số tiền 270.000.000 đồng và buộc chị H phải có nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở; kháng cáo của chị H không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất: Trong giấy mượn tiền hai bên không thỏa thuận trả lãi, tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng lãi suất 2%/tháng, trong quá trình vay chị H mới trả tiền lãi được 2.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 15%/tháng), đây là trường hợp có tranh chấp về lãi suất nên mức lãi được xác định lại là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, cụ thể: Tiền gốc các khoản vay x 10%/năm (tương ứng với 0,833%/tháng), tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm (16-02-2022) cụ thể như sau:

- Số tiền 100.000.000 đồng, ngày vay 10-10-2020 (âm lịch) tương ứng ngày 24-11-2020 (dương lịch) x 10%/năm x 01 năm 02 tháng 23 ngày = 12.300.600 đồng (1);

- Số tiền 170.000.000 đồng ngày vay 04-12-2020 (âm lịch) tương ứng ngày 16-01-2021 (dương lịch) x 10%/năm x 01 năm 01 tháng = 18.416.000 đồng (2);

Cộng (1) + (2) = (12.300.600 đồng + 18.416.000 đồng) - 2.000.000 đồng tiền lãi chị H đã trả trước = 28.716.600 đồng. Cấp sơ thẩm buộc chị H phải trả tiền lãi là 29.250.000 đồng là chưa đúng nên cấp phúc thẩm sửa phần tính lãi.

Như vậy chị H phải có nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi cho chị L tổng cộng 298.716.600 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cụ thể như sau: số tiền phải thanh toán là 298.716.600 đồng x 5% = 14.935.800 đồng (viết tròn số 14.936.000 đồng).

Từ những tình tiết chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Lệ H. Sửa một phần bản án sơ thẩm về tính lãi suất và án phí.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do án bị sửa nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Lệ H.

Sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số 13/2022/DSST ngày 16-2-2022 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L đối với chị Nguyễn Thị Lệ H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc chị Nguyễn Thị Lệ H có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị L số tiền 298.716.600 (Hai trăm chín mươi tám triệu bảy trăm mười sáu nghìn sáu trăm) đồng, bao gồm: Nợ gốc 270.000.000 đồng và tiền lãi 28.716.600 đồng.

2. Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm :

3.1. Chị Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 14.936.000 (Mười bốn triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

3.2. Chị Phan Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị L 6.750.000 (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005831 ngày 07-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Về án phí phúc thẩm dân sự: các đương sự không phải chịu, hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Lệ H số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012126 ngày 01-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện DMC;
- CCTHADS huyện DMC;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ; Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tâm